



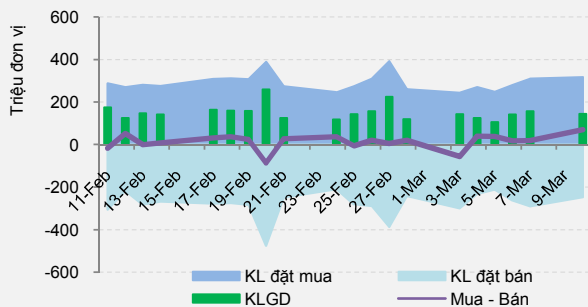
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 10/3/2014

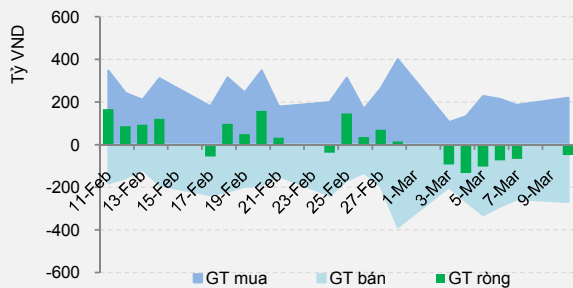
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	583.7	82.8
% Thay đổi	↑ 0.7%	↑ 0.8%
KLGD (CP)	145,025,550	90,273,334
GTGD (tỷ đồng)	2,064.83	883.59
Tổng cung (CP)	246,593,410	137,953,600
Tổng cầu (CP)	317,024,220	138,762,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	10,129,110	1,628,550
KL mua (CP)	6,137,080	1,141,300
GTmua (tỷ đồng)	219.33	15.67
GT bán (tỷ đồng)	267.86	30.77
GT ròng (tỷ đồng)	(48.53)	(15.10)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Nhà đầu tư	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.79%	39.1	0.4	3.1%
Công nghiệp	↑ 0.78%	-	0.7	20.5%
Dầu khí	↓ -0.64%	-	-	3.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.38%	55.0	1.2	1.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.16%	4.5	1.6	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.65%	7.4	1.2	11.2%
Ngân hàng	↑ 1.08%	-	-	6.7%
Nguyên vật liệu	↑ 1.00%	-	0.5	10.5%
Tài chính	↑ 1.06%	13.8	3.7	38.4%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.02%	13.2	1.0	3.4%
VN - Index	↑ 0.68%	14.4	3.0	70.0%
HNX - Index	↑ 0.78%	20.6	1.6	30.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,689,190	1.2%	1,429,680	1.0%
GTGD (tỷ VND)	44,674	2.2%	25,191	1.2%

ĐIỂM SÁNG CỔ PHIẾU CHỨNG KHOÁN VÀ KHOÁNG SẢN

Nhận định: Hai chỉ số Index tiếp phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp, từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Dòng tiền tiếp tục thận trọng với nhóm cổ phiếu Bluechips thuộc danh mục quỹ ETF. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ không chịu ảnh hưởng của quỹ ETF duy trì đà tăng điểm mạnh. Nhóm cổ phiếu chứng khoán và khoáng sản thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

Thị trường tăng điểm mạnh dần qua các phiên với thanh khoản tăng, độ rộng thị trường lớn cho tín hiệu tích cực hơn về kỹ thuật. Tuy nhiên dòng tiền tập trung tại nhóm cổ phiếu nhỏ cho thấy quan điểm đầu cơ ngắn hạn đang phổ biến. Áp lực chốt lời dự báo sẽ tăng mạnh trong một vài phiên giao dịch tới, khi chỉ số Index tiến đến ngưỡng kháng cự.

Chúng tôi bảo lưu quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 595-600 điểm đối với VN-Index, 84 điểm đối với HNX-Index, đặc biệt khi kỳ review của hai quỹ ETF đang đến gần. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm, HNX-Index là khoảng 78 điểm.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét tích lũy cổ phiếu Bluechips ở những phiên/thời điểm thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn đã hạ tỷ trọng margin về mức an toàn, chúng tôi chưa có khuyến nghị mới ở thời điểm hiện tại.

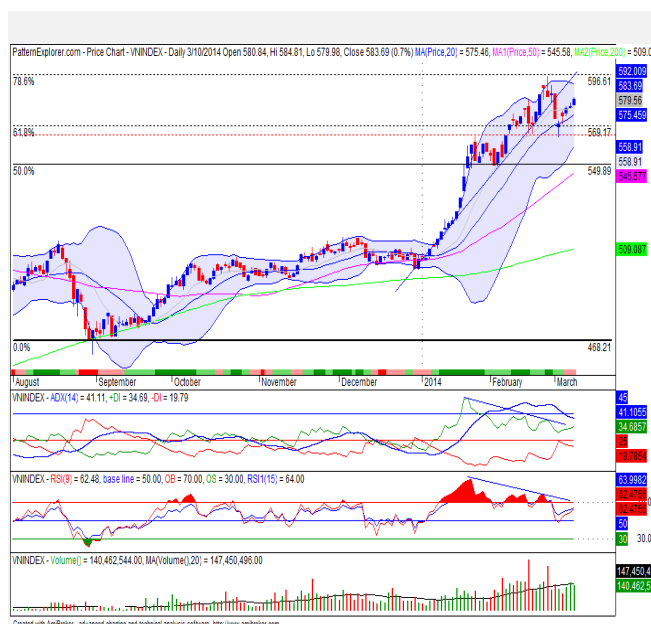
- Chỉ số VN-Index tăng 3.94 điểm (0.68%), lên 583.69 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 584.81 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.64 điểm (0.78%), lên 82.80 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.

- Ngày 6/3, thủ tướng chính phủ đã ban hành Nghị quyết về các giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Theo đó, Chính phủ chính thức cho phép Tập đoàn, tổng công ty, DNNN được thoái vốn dưới mệnh giá hoặc dưới giá trị sổ sách, sau khi trừ khoản trích lập dự phòng. Đối với việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành tại các công ty đầu tư tài chính, NHTM của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, có thể giao các NHTM Nhà nước mua lại hoặc chuyển NHNN làm đại diện chủ sở hữu. Đối với các doanh nghiệp đã cổ phần hóa, chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

- Theo kế hoạch về nhiệm vụ tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2014-2015, Việt Nam sẽ tiến hành cổ phần hóa 432 doanh nghiệp. Thời hạn cuối các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, DNNN phải thoái vốn đầu tư ngoài ngành sản xuất kinh doanh chính là 31/12/2015. Chính phủ sẽ quy trách nhiệm của các Bộ ngành, địa phương và lãnh đạo doanh nghiệp nếu chậm tiến hành cổ phần hóa theo kế hoạch đã được duyệt. Việc ban hành Nghị quyết về các giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài ngành với nhiều giải pháp mạnh mẽ cho thấy quyết tâm của Chính phủ trong việc tối đa hóa nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế, chú trọng thu hút đầu tư tư nhân, trong đó có đầu tư từ NĐTNN.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 3.94 điểm (0.68%), lên 583.69 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 584.81 điểm.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, đạt 140 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 63 điểm, tâm lý thị trường tích cực hơn. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp, từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 565 điểm. Dòng tiền tiếp tục thận trọng với nhóm cổ phiếu Bluechips thuộc danh mục quỹ ETF. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ không chịu ảnh hưởng của quỹ ETF duy trì đà tăng điểm mạnh.

Áp lực chốt lời dự báo sẽ tăng mạnh trong một vài phiên giao dịch tới, khi chỉ số Index tiến đến ngưỡng kháng cự. **Chúng tôi bảo lưu quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là khoảng 560-565 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.**

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn đã hạ tỷ trọng margin về mức an toàn, chúng tôi khuyến nghị chưa tham gia thị trường ở thời điểm hiện tại.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.64 điểm (0.78%), lên 82.80 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.

- KLGD tăng nhẹ so với phiên trước, lên 88 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 68.5 điểm. Đường MACD 9 vẫn nổi rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp từ mốc hỗ trợ kỹ thuật của đường MA20.

Thị trường tăng điểm mạnh dần về cuối phiên với thanh khoản tăng, độ rộng thị trường lớn cho tín hiệu tích cực hơn về kỹ thuật. Tuy nhiên dòng tiền tập trung tại nhóm cổ phiếu nhỏ cho thấy quan điểm đầu cơ ngắn hạn đang phổ biến. Áp lực chốt lời dự báo sẽ tăng mạnh trong một vài phiên giao dịch tới, khi chỉ số Index tiến đến ngưỡng kháng cự.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường cần thời gian điều chỉnh tích lũy trước khi vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 84 điểm, đặc biệt khi kỳ reveal của hai quỹ ETF đang đến gần. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 76-78 điểm. Chúng tôi chưa có quan ngại về xu hướng thị trường trong trung dài hạn.

Nhà đầu tư trung dài hạn có thể xem xét mua vào cổ phiếu Bluechips ở những phiên thị trường giảm mạnh. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn, tỷ trọng margin cao, nên hạ tỷ lệ margin, nhằm chủ động với xu hướng điều chỉnh của thị trường.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

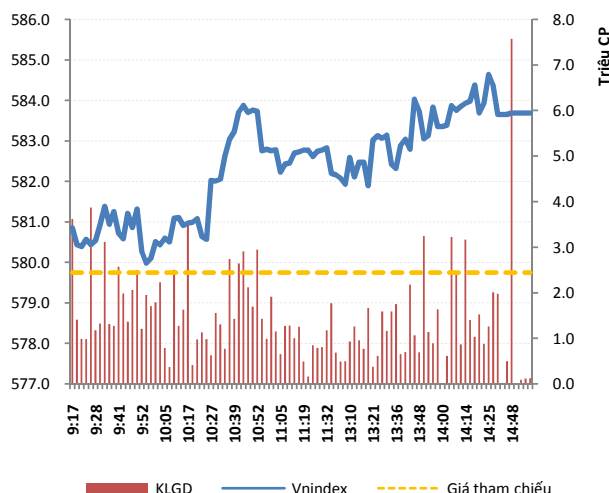
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 07/03/2014

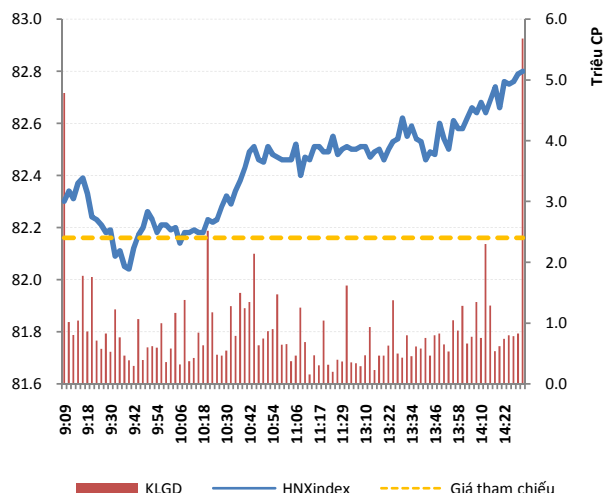


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

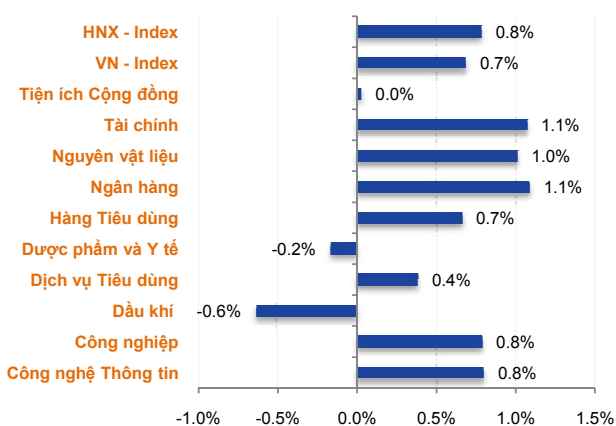
KLGD và VN-Index trong phiên



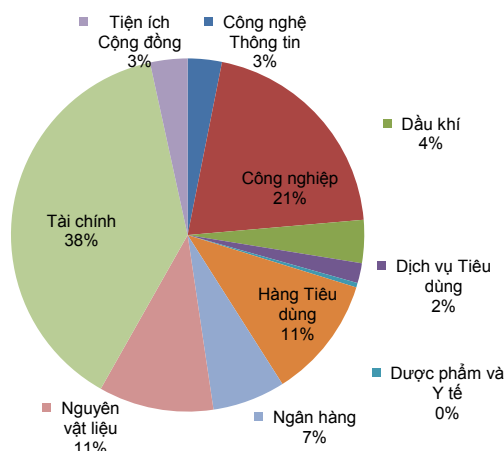
KLGD và HNX-Index trong phiên



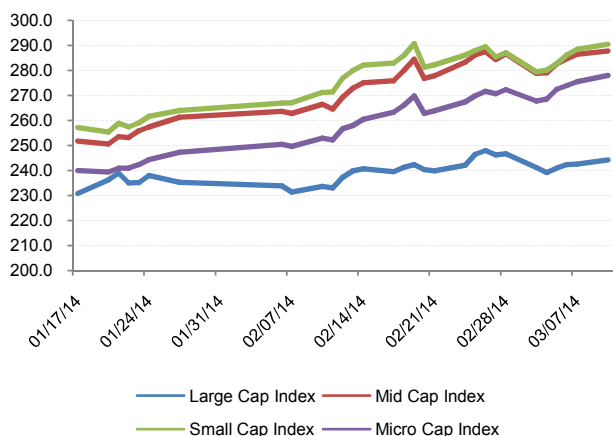
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



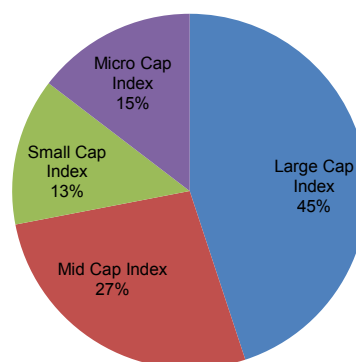
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ASP	933,280	OGC	1,624,220
2	STB	372,910	ITA	896,550
3	KDC	256,780	HAG	703,330
4	PPC	131,530	KBC	687,040
5	KSS	115,930	CTG	500,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HOM	254,800	PVS	762,400
2	PVX	82,600	HDO	131,900
3	VCG	74,700	IDJ	61,300
4	SDH	40,000	SCR	46,000
5	LAS	32,000	VND	34,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.2	8.7	↑ 6.10%	18,869,320
HQC	8.7	9.1	↑ 4.60%	6,879,000
FLC	13.5	13.6	↑ 0.74%	4,844,780
HAG	26.5	26.7	↑ 0.75%	4,653,560
SAM	11.8	11.9	↑ 0.85%	3,489,920

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLS	11.7	12.4	↑ 5.98%	9,850,980
PVX	4.6	4.7	↑ 2.17%	9,378,702
SHB	9.3	9.3	→ 0.00%	5,984,575
SCR	9.0	9.3	↑ 3.33%	5,207,419
VCG	15.1	15.2	↑ 0.66%	3,061,323

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHI	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
KSA	10.3	11.0	0.7	↑ 6.80%
CCL	5.9	6.3	0.4	↑ 6.78%
QCG	7.4	7.9	0.5	↑ 6.76%
HAS	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNC	10.0	11.0	1.0	↑ 10.00%
MAX	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
S99	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
FIT	19.0	20.9	1.9	↑ 10.00%
SDH	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GTT	12.9	12.0	-0.9	↓ -6.98%
PDR	13.2	12.3	-0.9	↓ -6.82%
KAC	11.8	11.0	-0.8	↓ -6.78%
RDP	17.1	16.0	-1.1	↓ -6.43%
TDW	17.6	16.6	-1.0	↓ -5.68%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCC	12.4	11.2	-1.2	↓ -9.68%
TMX	11.4	10.3	-1.1	↓ -9.65%
GMX	13.5	12.2	-1.3	↓ -9.63%
BHT	5.2	4.7	-0.5	↓ -9.62%
PMS	13.8	12.5	-1.3	↓ -9.42%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	18,869,320	0.7%	73	118.5	0.8
HQC	6,879,000	3.5%	376	24.2	0.9
FLC	4,844,780	7.9%	663	20.5	1.7
HAG	4,653,560	8.0%	1,372	19.5	1.5
SAM	3,489,920	5.0%	922	12.9	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	9,850,980	5.5%	716	17.3	0.9
PVX	9,378,702	-115.4%	(5,275)	-	2.3
SHB	5,984,575	7.6%	854	10.9	0.8
SCR	5,207,419	0.4%	53	175.4	0.6
VCG	3,061,323	10.0%	1,233	12.3	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SHI	↑ 6.9%	1.6%	234	26.5	0.4
KSA	↑ 6.8%	6.0%	1,043	10.6	0.9
CCL	↑ 6.8%	0.8%	85	74.2	0.6
QCG	↑ 6.8%	0.3%	52	151.6	0.4
HAS	↑ 6.7%	2.3%	449	14.3	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DNC	↑ 10.0%	10.7%	1,272	17.3	0.9
MAX	↑ 10.0%	-6.1%	(1,007)	(4.4)	0.3
S99	↑ 10.0%	2.0%	218	40.3	0.8
FIT	↑ 10.0%	19.3%	2,165	9.7	1.7
SDH	↑ 10.0%	-8.1%	(611)	(10.8)	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ASP	933,280	7.8%	885	9.9	0.8
STB	372,910	14.5%	1,978	10.5	1.4
KDC	256,780	11.3%	3,040	19.6	2.0
PPC	131,530	34.2%	5,128	4.8	1.4
KSS	115,930	3.2%	390	17.7	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HOM	254,800	0.2%	24	338.8	0.7
PVX	82,600	-115.4%	(5,275)	-	2.3
VCG	74,700	10.0%	1,233	12.3	1.2
SDH	40,000	-8.1%	(611)	-	0.9
LAS	32,000	34.3%	5,746	8.4	2.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	158,233	40.8%	6,535	12.8	4.7
VNM	116,685	39.6%	7,839	17.9	6.7
MSN	72,021	3.0%	611	160.3	4.8
VCB	71,376	10.3%	1,878	16.4	1.7
VIC	68,612	47.7%	7,379	10.2	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,205	6.6%	886	18.6	1.2
PVS	12,240	21.0%	3,568	7.7	1.5
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	8,241	7.6%	854	10.9	0.8
VCG	6,714	10.0%	1,233	12.3	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.46	0.6%	62	62.8	0.4
PXM	3.35	491.0%	(10,149)	-	(0.3)
STG	3.10	17.6%	2,856	9.8	1.6
VNG	3.04	0.2%	16	400.2	0.6
HAX	2.65	2.8%	212	30.6	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCC	5.41	1.9%	268	17.1	0.3
TTZ	4.44	0.4%	42	139.6	0.6
SHN	4.35	1.9%	52	105.8	2.0
GGG	3.92	256.0%	(6,685)	-	(0.5)
HPC	3.91	5.5%	385	14.8	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)